CÔNG TY:
Địa chỉ:
Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính
Quý ... năm tài chính .....

Mẫu số .....

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	181,624,292,942	174,913,234,208	392,989,629,111	326,431,031,822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	65,000,000	-	1,098,289,640	164,700,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	181,559,292,942	174,913,234,208	391,891,339,471	326,266,331,822
4. Giá vốn hàng bán	11	155,630,759,317	157,709,044,362	331,985,516,929	291,712,916,049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	**20**	25,928,533,625	17,204,189,846	59,905,822,542	34,553,415,773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	804,901,418	69,600,473	2,335,712,263	436,381,223
7. Chi phí tài chính	22	3,099,295,886	1,429,520,079	9,677,113,662	4,475,098,778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	3,099,295,886	1,359,919,606	9,677,113,662	4,038,717,555
8. Chi phí bán hàng	24	262,458,786	3,914,953,130	912,318,027	4,166,345,972
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18,938,847,470	6,586,402,765	37,755,963,859	13,709,137,457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) -	**30**	4,432,832,901	5,342,914,345	13,896,139,257	12,639,214,789
11. Thu nhập khác	31	280,542,325	2,320,128,350	3,477,782,091	4,918,493,553
12. Chi phí khác	32	273,976,337	2,497,137,465	2,626,380,597	4,127,240,466
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	**40**	6,565,988	(177,009,115)	851,401,494	791,253,087
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	**50**	4,439,398,889	5,165,905,230	14,747,540,751	13,430,467,876
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	531,070,961	-	1,876,293,146	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	**60**	3,908,327,928	5,165,905,230	12,871,247,605	13,430,467,876
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61				
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62				
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	1,954	2,583	6,436	6,715